TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2026
"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thuỳ Linh;

2. Ông Trần Ngọc Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim T**, sinh năm: 1980; CCCD số: **********; địa chỉ: Tổ D, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Anh **Thái Tấn H**, sinh năm: 1979; CMND số: *********; địa chỉ: Số H, đường P, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-02-2026 và lời khai tại Toà án của nguyên đơn, chị Lê Thị Kim T trình bày:

+ Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 1998 đến năm 2002 chị và anh Thái Tấn H đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 13-12-2002. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên cờ bạc, rượu chè và mắng chửi vợ con, không chăm lo cho gia đình, đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt hơn nên anh H bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Có 02 người con tên Thái Tấn K, sinh năm 2004 và Thái Gia B, sinh năm 2008, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, cháu B hiện đang sống với chị, nên chị yêu cầu nuôi cháu B, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Tấn H đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không cung cấp bản trình bày ý kiến và cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T, về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Thái Tấn H; về con chung: Giao Thái Gia B, sinh năm 2008 cho chị Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ghi nhận chị Lê Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn với anh Thái Tấn H; về con chung: cháu Thái Tấn K, sinh năm 2004 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, chị Lê Thị Kim T yêu cầu được nuôi Thái Gia B, sinh năm 2008, không yêu cầu anh Thái Tấn H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn, anh Thái Tấn H có nơi thường trú tại khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, chị Lê Thị Kim T vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn, anh Thái Tấn H đã được Toà án triệu tập hai lần để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Thái Tấn H tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 13-12-2002, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2009 vợ chồng mâu thuẫn do anh H cờ bạc, rượu chè và mắng chửi vợ con, không chăm lo cho gia đình, năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt hơn nên anh H bỏ nhà đi ra ngoài sống riêng. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác vợ chồng sống ly thân khoảng thời gian dài từ năm 2017 cho đến nay, chứng tỏ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống

chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Lê Thị Kim T và anh Thái Tấn H có hai người con chung tên Thái Tấn K, sinh năm 2004 và Thái Gia B, sinh năm 2008. Cháu K đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Cháu Gia B hiện nay đang sống với chị T, cháu Giao B1 đang trong thời kỳ phát triển tâm, sinh lý, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Gia B đang sống ổn định với chị T. Anh H không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con chung. Nhằm đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao cháu Gia B cho chị T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên tự lao động sinh sống được là phù hợp với nguyện vọng của cháu Gia B và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu nuôi con của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kim T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị Lê Thị Kim T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003800 ngày 03-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T đối với anh Thái Tấn H về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Thái Tấn H.

1.2. Về nuôi con chung: Cháu Thái Tấn K, sinh năm 2004 đã trưởng thành, không giải quyết. Giao cháu Thái Gia B, sinh năm 2008 cho chị Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ghi nhận Lê Thị Kim T không yêu cầu anh Thái Tấn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Thái Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003800 ngày 03-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND KV 10 TN;
- THADS tỉnh TN;
- UBND Phường Thanh Điền;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(03.D01.149.10.1046369)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Cẩm Loan